

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2017/HNGĐST**
Ngày 14-12-2017
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Quang Hưng**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2017/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị N** – sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất ngày 27/11/2017, nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:** Chị và anh T tự quen biết, tìm hiểu nhau và đi đến tổ chức cưới vào năm 2005, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay nên không còn tình cảm nữa.

- Về con chung: chị N xác nhận vợ chồng chung sống với nhau có một người con chung là Trần Thị Tuyết T - sinh ngày 11/11/2006. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: chị N yêu cầu tiếp tục được nuôi con là Trần Thị Tuyết T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Theo bản tự khai, biên bản đối chất ngày 27/11/2017, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*** anh T xác nhận lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, về tài sản và nợ chung là đúng.

Anh T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: anh T đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị N.

- Về con chung: anh T đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N được quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp. Anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ngoài ra chị N yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T nên HĐXX thống nhất căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Hồ Thị N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị N và anh Trần Văn T. Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh T xác nhận vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Thị Tuyết T - sinh ngày 11/11/2006, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị N xin được nuôi con, anh T cũng đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con. Theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng thì nguyện vọng của cháu T là muốn được ở với mẹ là chị N. Xét thấy nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị N, anh T và nguyện vọng của cháu T là tiếp tục giao cháu Trần Thị Tuyết T cho chị N nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Từ những nhận định trên HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó HĐXX thống nhất không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N, anh T và nguyện vọng của cháu Trần Thị Tuyết T là tiếp tục giao cháu Trần Thị Tuyết T - sinh ngày 11/11/2006 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

- **Án phí HNST:** Chị Hồ Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị N và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N, anh T và nguyện vọng của cháu Trần Thị Tuyết T là tiếp tục giao cháu Trần Thị Tuyết T - sinh ngày 11/11/2006 cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí HNST: Chị Hồ Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007632 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho nguyên đơn chị Hồ Thị N có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo